TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/DS-PT
Ngày: 31-8- 2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Ông Trịnh Hữu Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST, ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 119/2023/QĐPT - DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thạch Thị Ú, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tấn L – Cộng tác viên trợ giúp pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

- *Bị đơn*:

1/ Bà Sơn Thị D, sinh năm 1965 (có mặt)

2/ Ông Thạch S, sinh năm 1958 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Sơn Thị D và ông Thạch S: Luật sư Phạm Minh L1 – Cộng tác viên trợ giúp pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

- *Người kháng cáo*: Bà Sơn Thị D, ông Thạch S là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Thạch Thị Ú trình bày*: Từ năm 2017 bà có làm đầu thảo nhiều dây hụi tại địa phương. Vợ chồng bà Sơn Thị D và ông Thạch S có tham gia 05 dây hụi của bà từ năm 2017 đến năm 2022. Tất cả các dây hụi vợ chồng bà D đã kêu hốt tất cả các dây. Tuy nhiên một số phần hụi chết còn lại vợ chồng bà D không đóng lại hụi chết cho bà.

Ngày 21/02/2023 bà có đến gặp bà D để tổng kết lại số nợ thì bà D và bà chốt lại nợ là 261.650.000 đồng (Trong đó, nợ hụi theo vụ lúa: 211.000.000 đồng, hụi tháng 48.650.000 đồng, nợ tiền máy xới 2.000.000 đồng). Sau đó bà D có trả cho bà số tiền là 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ú không yêu cầu vợ chồng bà D trả số tiền máy xới 2.000.000 đồng, bà chỉ yêu cầu trả tiền nợ hụi còn lại là 256.650.000 đồng.

- *Bị đơn bà Sơn Thị D trình bày:* Bà có tham gia hụi tháng, hụi vụ do bà Thạch Thị Ú làm đầu thẻo. Tuy nhiên bà chỉ còn thiếu lại tiền ở hai dây hụi, cụ thể:

Dây hụi khui ngày 10/2/2019, loại hụi 10.000.000 đồng/vụ, có 13 người tham gia, bà kêu hốt ngày 09/12/2020, sau khi hốt bà còn lại 09 lần chưa đóng là 90.000.000 đồng,

D1 hụi khui ngày 03/4/2020, loại hụi 5.000.000 đồng/vụ, có 13 người tham gia, bà kêu hốt lần thứ 3, còn thiếu lại 10 lần là 50.000.000 đồng. Sau đó, bà có trả cho bà Ú được 3.000.000 đồng.

Những dây hụi khác bà có tham gia nhưng bà đã trả xong nợ hụi với bà Ú, chỉ còn thiếu lại bà Ú số tiền: 140.000.000 đồng - 3.000.000 đồng = 137.000.000 đồng. Trong số nợ 137.000.000 đồng có tiền lãi nhưng do những dây hụi này bà Ú đã tuyên bố bể hụi . Nay bà D chỉ đồng ý trả nợ gốc hụi cho bà Ú tổng cộng ở hai dây hụi bằng 75.850.000 đồng.

- *Ông Thạch S là bị đơn trình bày:* Ông có biết bà Sơn Thị D tham gia dây hụi do bà Thạch Thị Ú làm đầu thảo nhưng bà Sơn Thị D tham gia cụ thể dây hụi nào, còn thiếu lại bao nhiêu tiền thì ông không biết rõ. Nay bà Thạch Thị Ú khởi kiện yêu cầu bà Sơn Thị D trả số tiền 261.650.000 đồng ông không có ý kiến, việc trả nợ do bà D quyết định, nếu bà D thống nhất số nợ với bà Ú bao nhiêu thì ông cũng đồng ý trả số nợ đó.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã xử:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 72, 147, 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 16, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, bêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Thạch Thị Ú đối với số tiền máy sới là 2.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Út . Buộc bà Sơn Thị D và ông Thạch S có trách nhiệm trả cho bà Thạch Thị Ú số tiền hụi bằng 256.650.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/6/2023 bà Sơn Thị D và Thạch S kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà Thạch Thị Ú 75.850.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích của bà Sơn Thị D Luật sư Phạm Minh L1: Trong vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi này, nguyên đơn chỉ đưa ra 01 chứng cứ bà biên nhận số tiền hụi 261.650.000 đồng, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác. Mặc dù bị đơn có thừa nhận có ký tên vào biên nhận nhưng nội dung thì bị đơn không biết do nguyên đơn tự ghi biên nhận và yêu cầu bị đơn ký vào. Bà Ú không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà D còn thiếu lại số tiền cụ thể ở các dây hụi nên không có cơ sở chứng minh tổng nợ hụi bà D còn thiếu lại là 256.650.000 đồng. Do đó lời nại ra của bà D chỉ còn thiếu lại nợ hụi ở 02 dây hụi là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bà D trả số tiền hụi gốc là 75.850.000 đồng.

Ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà Ú: Bị đơn không có căn cứ nào chứng minh chỉ còn nợ lại 75.850.000 đ. Bà D thừa nhận có tham gia chơi các dây hụi do bà Ú làm đầu thảo và đã hốt hụi nhưng chưa đóng hụi chết đầy đủ nên bà phải có nghĩa vụ đóng lại hụi chết đầy đủ cho bà Ú để bà Ú trả cho các hụi viên khác. Tờ giấy nợ ngày 21/02/2023 bà D thừa nhận có ký tên nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán Chủ tọa phiên toà, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự và người tham gia tố tụng khác: Tại phiên Tòa hôm nay đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng qui định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Yêu cầu kháng có của bà Sơn Thị D và ông Thạch S không có căn cứ chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Sơn Thị D và ông Thạch S

Bà Thạch Thị Ú khởi kiện yêu cầu bà Sơn Thị D và Thạch S trả số tiền hụi còn thiếu tổng cộng 256.650.000 đồng, là có cơ sở chấp nhận bởi vì, theo biên nhận ngày 21/02/2023 thì bị đơn là bà D thừa nhận có ký tên vào biên nhận đồng thời thừa nhận số tiền nợ là 261.650.000 đồng (BL 06) sau khi ký biên nhận bà D có trả cho bà Ú 3.000.000 đồng và bà Ú cũng thừa nhận. Đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, việc bà D cho rằng bà Ú yêu cầu bà ký tên vào biên nhận do bà Ú ghi sẵn bà không biết nội dung là không có căn cứ, vì bà D không đưa ra chứng cứ nào chứng minh bị lừa dối hay bị ép buộc để ký tên vào tờ biên nhận ngày 21/02/2023

[2] Tại biên bản đối chất ngày 18/5/2023 giữa bà Thạch Thị Ú và bà Sơn Thị D thì bà D đều thừa nhận có tham gia các dây hụi và còn nợ số tiền như bà Ú trình bày. Tuy nhiên bà D cho rằng chỉ còn nợ bà Ú 137.000.000 đồng tiền hụi chết nhưng bà không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh cho ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Bà D thừa nhận các chữ ký tên khi giao nhận hụi trong sổ hụi của bà Ú. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D nại ra do hụi bị bể bên bà không đồng ý đóng hụi chết cho bà Ú dây hụi vụ mở ngày 10/2/2019, ngày 3/4/2020; các dây hụi khác thì bà D khai đã đóng đủ hụi chết cho bà Ú. Bà Ú không thừa nhận bà D đã đóng xong hụi chết của hụi tháng và dây hụi vụ mở ngày 24/8/2017, 13/3/2018, 04/12/2018. Bà D không có căn cứ nào chứng minh cho lời khai của mình

Từ các tình tiết chứng cứ nêu trên không có để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Sơn Thị D, ông Thạch S

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét nhưng không có căn cứ để chấp nhận, ý kiến của kiểm sát viên, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí phúc thẩm: bà Sơn Thị D, ông Thạch S là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 471 Bộ luật dân sự và Nghị định 19/2019/NĐCP ngày 19/02/2019 của Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Sơn Thị D, Thạch S

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Tuyên xử: Buộc bà Sơn Thị D và ông Thạch S có trách nhiệm trả cho bà Thạch Thị Ú số tiền hụi bằng 256.650.000đ *(Hai trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng).*

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Về án phí phúc thẩm: bà Sơn Thị D, ông Thạch S là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung